



GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG TỰ CHỦ ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

ThS. HOÀNG THỊ CẨM THƯƠNG - Đại học Vinh

Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị giáo dục đại học công lập là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với chủ trương, đường lối mở cửa hội nhập của Đảng và Nhà nước ta. Thời gian qua, việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các trường đại học công lập ở Việt Nam đã được triển khai thí điểm và có những kết quả ban đầu, tuy nhiên để phát huy cơ chế này cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa...

Từ khóa: Giáo dục, đại học, tự chủ, tài chính, công lập

Renovating management mechanism in the orientation of autonomy empowerment and self-responsibility for public higher education schools shows evidence of ration and accordance with strategy and plan of the Party and the State to open the market and intergrate into the global market. In the past time, autonomy at public universities in Vietnam has been implemented at pilot schemes and achieved initial achievements, however, enhancement of this mechanism requires further renovation.

Keywords: Education, higher education, autonomy, finance, public

Nội dung của tự chủ đại học

Tự chủ của trường của trường đại học có thể khái quát là khả năng trường được hoạt động theo cách thức mình lựa chọn để đạt được sứ mạng về mục tiêu do trường đặt ra. Các thành tố trong tự chủ đại học bao gồm: tự chủ về tổ chức, tự chủ về tài chính, tự chủ về nhân lực...

- Tự chủ về tổ chức: Tại Việt Nam, cấp trường là cấp điều hành và quản lý toàn bộ hoạt động của nhà trường, dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu cùng với các đơn vị chức năng tham mưu giúp việc gồm: các phòng, khoa, trung tâm. Cấp khoa là cấp quản lý các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành trực thuộc...

- Tự chủ về tài chính: Tự chủ về tài chính là trường đại học được quyền quyết định hoạt động tài chính của nhà trường bao gồm các hoạt động thu, chi, quản lý và

phân phối kết quả hoạt động tài chính, huy động vốn, quản lý các quỹ chuyên dụng, quản lý tài sản, quản lý nợ phải trả của nhà trường, và các hoạt động tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Tự chủ về nhân lực: Tự chủ về tuyển sinh và đào tạo là các trường đại học được quyền quyết định các hình thức và số lượng tuyển phù hợp với điều kiện của trường và quy định của Nhà nước; mở các ngành đào tạo đại học và chuyên ngành đào tạo sau đại học đã có trong danh mục ngành đào tạo của nhà nước.

- Tự chủ về đào tạo: Hoạt động đào tạo gồm các nội dung như: tuyển sinh; ngành đào tạo; Chương trình, giáo trình đào tạo; Phương pháp giảng dạy... Các trường tự quyết định chỉ tiêu đào tạo, báo cáo Bộ và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để xã hội cùng giám sát chất lượng đào tạo.

Thực trạng tự chủ đại học ở Việt Nam hiện nay

Theo thống kê của Vụ Kế hoạch Tài chính (Bộ Giáo dục và Đào tạo), năm học 2015-2016, Việt Nam có 223 trường đại học, trong đó có 163 trường đại học công lập, chiếm khoảng 73% và 60 trường đại học ngoài công lập chiếm 27%. Quy mô sinh viên năm học 2015-2016 cả nước có khoảng 1,8 triệu, trường công lập chiếm 88%, trường dân lập 12%. Để giảm chi ngân sách nhà nước và đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục đại học, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với một số cơ sở giáo dục đại học công lập. Trong điều kiện chưa ban hành hoặc sửa đổi nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực cụ thể theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, các trường tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ. Kết quả khảo sát cho thấy thực trạng việc thực hiện tự chủ của các trường đại học Việt Nam như sau:



Tự chủ về tài chính

Nguồn từ ngân sách nhà nước chiếm từ 30% - 40% tổng thu của các trường đại học hàng năm. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, bao gồm nguồn thu từ sinh viên và các nguồn thu khác chiếm khoảng 60% - 70% tổng nguồn thu của các trường. Bình quân các trường đại học tự đảm bảo cân đối chi thường xuyên được khoảng 75% từ nguồn thu sự nghiệp. Tuy nhiên, với tỷ lệ chi thường xuyên này vẫn chưa thể đảm bảo đủ nguồn lực để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và đảm bảo thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giảng viên hàng năm.

Trước thực trạng này, các trường phải tự cân đối bù đắp chi thường xuyên đối với khối đào tạo chính quy tập trung từ các khoản thu của các hệ đào tạo liên kết trong và ngoài nước, đào tạo bằng đại học thứ 2, đào tạo thường xuyên...

Tự chủ về nhân sự

Theo thống kê của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ), ở Việt Nam có hơn 24.000 tiến sĩ, tính đến cuối năm 2016 Việt Nam có khoảng 15.000 tiến sĩ (bao gồm cả các giáo sư, phó giáo sư) công tác tại các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng.

Tuy nhiên, hiện nay quyền tự chủ về tổ chức, quản lý, nhân sự vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần phải được hoàn thiện tiếp để bảo đảm tính công bằng, công khai, khoa học của các quy định về mặt tổ chức. Việc chi trả lương cho cán bộ, giảng viên các trường vẫn phải tính theo hệ số lương cơ bản do nhà nước quy định, trừ đại học quốc gia là tự quyết định. Vì vậy, đã gây khó khăn cho các trường trong việc nâng cao thu nhập cho người lao động và thu hút các giảng viên cũng như các nhà khoa học giỏi về làm việc cho nhà trường.

Tự chủ về đào tạo

Theo kết quả điều tra khảo sát cho thấy quyền tự chủ trong lĩnh vực kế hoạch tuyển sinh vẫn còn nhiều mặt hạn chế, chỉ có 28% các trường đại học đã thực sự thực hiện tự chủ về vấn đề tuyển sinh và khoảng 44% trường đại học có quyền tự chủ về vấn đề đào tạo. Trên thực tế hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang nắm giữ và chỉ đạo công tác tuyển sinh. Vì vậy, các trường đại học đang bị phụ thuộc ở nhiều khâu như: ngày tổ chức kỳ thi tuyển sinh trong cả nước, việc phát hành hồ sơ đăng ký dự thi của thí sinh và việc nhận hồ sơ. Chương trình khung này chiếm 70% khối lượng nội dung chương trình và các trường chỉ được tự chủ có 30% khối lượng nội dung còn lại.

Về xây dựng kế hoạch giảng dạy qua điều tra có 66% ý kiến cho các trường đã có đầy đủ quyền hạn. Về việc tổ chức biên soạn, duyệt và thẩm định giáo trình có 70%

ý kiến điều tra cho các trường đã có đầy đủ quyền hạn. Nhìn chung, mức độ tự chủ về tuyển sinh và đào tạo của các trường đại học vẫn còn tồn tại khá nhiều vấn đề mà nhà nước cần phải xem xét mở rộng quyền tự chủ nhiều hơn nữa, để các trường chủ động trong việc đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường và sự hội nhập quốc tế.

Một số khó khăn, hạn chế

Việc thực hiện tự chủ đại học ở Việt Nam đã đạt được các kết quả khả quan, tuy nhiên, quá trình này cũng gặp một số khó khăn, hạn chế nhất định.

Thứ nhất, hiện nay nhiều quy định văn bản pháp lý chưa kịp thay đổi để hỗ trợ cho các trường đại học tự chủ. Nghị quyết 77/NQ-CP về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017 của Chính phủ chỉ mới là thí điểm nên các văn bản pháp luật không thay đổi theo. Dưới góc độ quản lý tại các trường đại học công lập, do sự thiếu định hướng từ các cơ quan quản lý nhà nước cho nên bản thân các trường khá lúng túng trong việc xây dựng chiến lược và tầm nhìn rõ rệt cho mình.

Thứ hai, nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cấp cho giáo dục đại học còn hạn chế, cơ chế phân bổ ngân sách vẫn mang tính bình quân giữa các trường đại học công lập, chưa gắn với các tiêu chí phản ánh chất lượng và kết quả đầu ra. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu động lực cạnh tranh giữa các trường đại học. Đối với các trường thuộc khu vực miền Trung, có nhiều sinh viên thuộc diện chính sách đến học, chiếm từ 20 - 30% tổng số sinh viên, được Nhà nước miễn, giảm học phí, nhưng Nhà nước lại không cấp bù kinh phí này cho trường.

Thứ ba, theo Ngân hàng Thế giới (2008), sự kiểm soát và lệ thuộc về nguồn tài chính (trong tổng số nguồn lực tài chính của các trường công lập, ngân sách đào tạo chiếm 68%, học phí chiếm 26%, các khoản thu khác chiếm 6%) là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự khó khăn trong công tác quản lý tại các trường đại học công lập. Do nguồn ngân sách được cấp là nguồn thu chủ yếu và lại lệ thuộc rất lớn vào quy mô hay cụ thể hơn là số lượng sinh viên đầu vào của trường cho nên để gia tăng ngân sách chỉ có thể có được khi tăng quy mô sinh viên. Khi quy mô sinh viên tăng nhanh hơn so với sự gia tăng giảng viên, đồng thời để tiết kiệm chi phí một số trường thực hiện việc ghép lớp làm tăng sỹ số sinh viên, điều này ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng đào tạo.

Thứ tư, mặc dù việc cải cách, đổi mới chính sách học phí, lộ trình tăng học phí của các trường đại học trong thời gian qua đã được thực hiện theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 15/5/2010 của Chính phủ cho giai đoạn 2010-2015 và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP



từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021, tuy nhiên, việc thực hiện cải cách này vẫn còn nhiều hạn chế về việc phân loại nhóm ngành, mức học phí vẫn còn thấp, chưa phù hợp với chi phí đào tạo thực tế của các nhóm ngành và các loại hình đào tạo bậc đại học.

Thứ năm, việc trao quyền tự chủ cho các trường đại học tại nước ta trong thời gian qua có thể nói vẫn chưa được thực hiện một cách triệt để và đầy đủ. Hiện nay các trường đều phải chịu sự phân phối về chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo nên cho dù nguồn lực có thể tiếp nhận nhiều hơn nhưng các trường không thể tuyển vượt quá chỉ tiêu đã được ấn định. Đây là một sự lãng phí về nguồn lực.

Thứ sáu, đội ngũ giảng viên của các trường hầu hết còn quá trẻ, nhiều giảng viên không chịu khó cập nhật thông tin, hàng năm nhiều cán bộ giảng viên không có đề tài nghiên cứu, chưa có bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước và nước ngoài, trình độ ngoại ngữ còn hạn chế... Phương pháp giảng dạy còn thụ động, nhiều giảng viên vẫn còn dùng phương pháp cũ để dạy phương pháp mới, kiến thức mới.

Giải pháp tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các trường đại học

Để tăng quyền tự chủ ở các trường đại học, nâng cao năng lực đào tạo trong thời gian tới, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, xây dựng và sử dụng nguồn tài nguyên phục vụ cho việc tự chủ. Để thực hiện tự chủ, cần xây dựng bộ máy, các chuyên gia, chuyên viên thực hiện các hoạt động tham mưu cho Ban Giám hiệu về nội dung, biện pháp thực hiện, cung cấp các thông tin, các phương án lựa chọn để người lãnh đạo có thể ban hành các quyết định kịp thời, cần thiết.

Thứ hai, xây dựng cơ chế kiểm soát các hoạt động độc lập, tự chủ, thực hiện trách nhiệm của các đối tượng. Nhà trường cần đặt ra những tiêu chuẩn, tiêu chí chặt chẽ để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, thực hiện sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đối tượng trên các lĩnh vực như tài chính, cơ sở vật chất, thực hiện nguyên tắc và chế độ trong quản lý, trong công việc, trong đào tạo... đồng thời, có cơ chế để xác định các tiêu chí đó.

Thứ ba, tiến hành đổi mới chương trình đào tạo theo hướng: Nghiên cứu - phát triển, nghề nghiệp và ứng dụng, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, nâng cao kỹ năng thực hành; Đổi mới phương pháp dạy và học, tăng cường liên thông trong đào tạo giữa các ngành và các trường.

Thứ tư, các trường cần thực hiện phân cấp cho các đơn vị trong trường; mở rộng nguồn thu và khoán chi; hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ; quy định trách nhiệm giải trình về tài chính giữa các cấp trong trường;

tổ chức hoạt động kiểm soát nội bộ và công khai tài chính; đào tạo nâng cao năng lực quản lý tài chính cho các đơn vị trong trường.

Thứ năm, tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ, có tâm huyết nghề nghiệp, cán bộ quản lý giáo dục đại học có phẩm chất đạo đức và chuyên môn cao, có phong cách quản lý và giảng dạy tiên tiến, hiện đại.

Thứ sáu, bồi dưỡng năng lực, tầm nhìn cho người lãnh đạo, người ra quyết định, người thực thi nhiệm vụ để họ có khả năng đánh giá hậu quả, lường trước được những kết quả khi thực hiện các phương án, giải pháp khác nhau. Đây là việc cần đầu tư thời gian, công sức, đúc rút kinh nghiệm của người lãnh đạo, người quản lý.

Một số kiến nghị

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần thực hiện nhiệm vụ định hướng và đề ra chiến lược phát triển giáo dục, xây dựng lộ trình tăng quyền tự chủ cho các trường đại học, ban hành các chuẩn mực hành chính, tài chính, các chuẩn mực học thuật, tiến hành công tác tổ chức kiểm định chất lượng đại học và kiểm toán tài chính độc lập, đảm bảo điều phối nguồn lực hiệu quả, thiết kế cơ chế kiểm soát quyền lực, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và không can thiệp vào các công việc cụ thể của nhà trường.

Bên cạnh đó, cần sớm ban hành các thể chế, chính sách, giám sát, quy định minh bạch và không làm thay công việc của các trường đại học. Muốn thay đổi và nâng cao chất lượng giáo dục thì phải đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, chuyển đổi từ cơ chế nhà nước kiểm soát sang cơ chế nhà nước giám sát kết hợp với đào tạo theo thị trường, đồng thời thay đổi thái độ và phương thức làm việc của cán bộ. Đầu tư mạnh và đúng chỗ cho giáo dục, tăng lương cho cán bộ quản lý và cán bộ giảng dạy, đổi mới phương pháp, nội dung chương trình đào tạo và trên hết là giao quyền tự chủ cho các trường đại học thông qua cơ chế giám sát chặt chẽ từ xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội đồng trường.

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
2. Dự thảo chiến lược phát triển giáo dục 2009-2020;
3. Huỳnh Thành Đạt, Cơ chế hoạt động và các mối quan hệ trong nội bộ Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đề tài Nghiên cứu cấp Đại học Quốc gia, 2010;
4. Nguyễn Trường Giang, Đổi mới cơ chế tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập gắn với nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện mục tiêu công bằng và hiệu quả, Bộ tài chính, 2013;
5. Hoàng Xuân Long, Phan Thu Hà, Tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức nghiên cứu và phát triển nhà nước, Trung tâm Thông tin - Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 2010.